TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/HC-PT
Ngày: 15/4/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phùng Anh Dũng**
- *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Ông **Trần Quốc Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 406/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 135/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 565/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Ngô Thanh T1 - Văn phòng L1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số E C, khu dân cư B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn T3 - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Phước N - Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1961;
2. Ông Trần Phú Q, sinh năm 1987;
3. Ông Trần Quốc N1, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L*, ông* Q*, ông* N1*:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Văn T ***trình bày:***

Trước năm 1975, ông Trần Văn T có sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 02 diện tích 11.061,8m^2, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm *(Trồng keo lá tràm)*. Hiện nay, ông T là người trực tiếp sản xuất và có thu nhập ổn định từ thửa đất nêu trên và không có tranh chấp với bất kỳ ai.

Ngày 17/03/2020, ông T nhận được Biên bản 145/BBKK của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai nhằm kê khai và kiểm đếm hiện trạng thửa đất của ông đang sử dụng để bồi thường thực hiện dự án công trình: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T (Phương án - đợt 1), huyện N, tuy nhiên, không kiểm kê diện tích thửa đất ông đang trồng cây lá tràm.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N có thu hồi quyền sử dụng đất để giải phóng mặt bằng với diện tích 7.773,5m^2 trong tổng diện tích 11.061,8m^2 mà ông T đang sử dụng nhưng không bồi thường tiền đất cho ông.

Ngày 08/7/2021, ông T nhận được Biên bản họp xét nguồn gốc, thời điểm, mục đích sử dụng đất đối với thửa đất 51, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc do ông bà để lại, sử dụng trước năm 1975, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Sau đó, ông khiếu nại Quyết định 7658/QĐ-UBND của UBND huyện N.

Ngày 10/12/2021, UBND huyện N tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại cho ông T và không chấp nhận khiếu nại của ông.

Ngày 17/12/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 21431 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông T nhưng ông không chấp nhận quyết định khiếu nại này.

Ông T không đồng ý với Quyết định số 21431 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông với những lý do sau đây:

Căn cứ pháp lý khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân thì gia đình ông T thực tế sử dụng thửa đất trước ngày 01/7/2004, cụ thể trước năm 1975 *(Theo Biên bản xét nguồn gốc thời điểm, mục đích sử dụng đất của* UBND xã T*),* ông có trực tiếp sản xuất trồng cây lâu năm cụ thể là keo lá tràm, có thu nhập ổn định từ sản xuất trồng keo lá tràm, sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp với ai. Do vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 vẫn đủ điều kiện được bồi thường về đất khi UBND huyện N thu hồi đất.

Đồng thời, căn cứ pháp lý khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định bồi thường về đất cho người sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, việc UBND huyện N không bồi thường về đất cho gia đình ông T là trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7658/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn T để thực hiện Giải phóng mặt bằng công trình: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T (phương án - đợt 1), huyện N;

- Hủy Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T, thường trú tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 7.773,5m^2 thửa đất số 51, thuộc Trích đo địa chính số 02-2020 tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo giá đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Văn T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu: Hủy Quyết định số 7658/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn T để thực hiện Giải phóng mặt bằng công trình: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T (phương án - đợt 1), huyện N.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện N ***trình bày:***

Thửa đất số 51, mảnh trích đo địa chính 02-2020 (phục vụ dự án: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T), đối chiếu với hồ sơ 299/TTg và hồ sơ 64/CP lưu tại UBND xã T thì không thể hiện thửa đất trên bản đồ địa chính, cụ thể: Hồ sơ 299/TTg là tờ bản đồ số 03, hồ sơ 64/CP là tờ bản đồ số 06. Hiện nay ông Trần Văn T không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất có liên quan đến thửa đất nói trên. Theo mảnh trích đo địa chính số 02-2020 thì thửa đất số 51, diện tích 7.773,5m^2 nằm trong phạm vi 187,65ha đất quốc phòng đã được Bộ Q1 chuyển giao cho UBND tỉnh Q tại

Công văn số 8439/BQP-TM ngày 09/10/2014 về việc chuyển giao đất quốc phòng để phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Quảng Nam.

Ngày 08/7/2021, Hội đồng tư vấn đất đai xã T đã họp xét trường hợp của ông Trần Văn T sử dụng đất tại thửa đất số 51, mảnh trích đo địa chính số 02-2020 thì xác định nguồn gốc sử dụng đất do ông bà để lại và sử dụng từ trước năm 1975, hiện trạng đang trồng cây keo lá tràm, không có tranh chấp và không phù hợp với quy hoạch tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Vậy, việc sử dụng đất của ông Trần Văn T tại thửa đất số 51, diện tích 11.061,8m^2, trong đó có diện tích 7.773,5m^2 nằm trong vạch giải phóng mặt bằng là đất quốc phòng chuyển giao cho UBND tỉnh Q quản lý; diện tích này ông Trần Văn T không đăng ký theo hồ sơ 299/TTg, hồ sơ 64/CP và không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Do đó, việc UBND huyện N không bồi thường về đất thửa đất số 51, mảnh đo đạc số 02, diện tích 7.773,5m^2 là đúng quy định, việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo theo quy định pháp luật.

- *Về chủ trương thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng:*

Ngày 09/10/2014, Bộ Q1 ban hành Công văn số 8439/BQP-TM về việc chuyển giao khu đất quốc phòng để phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Nam, theo đó Bộ Q1 hoàn tất các thủ tục chuyển giao 187,65ha đất quốc phòng do Sư đoàn BB31E đang quản lý để thực hiện mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

Ngày 18/3/2019, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 828/QĐ-UBND về việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các hạng mục còn lại trên khu đất đã được Bộ Q1 thống nhất chuyển giao cho tỉnh Quảng Nam quản lý sử dụng tại xã T, huyện N, theo đó Ban Q2 (nay là Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp T) đã giao cho Trung tâm B (Đơn vị đã giải thể và sáp nhập vào Trung tâm Phát triển hạ tầng) thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các hạng mục còn lại trên khu đất quốc phòng chuyển giao.

Ngày 03/4/2020, UBND tỉnh Q ban hành Thông báo số 118/TB-UBND về thu hồi đất Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T, huyện N, theo đó thu hồi 184,09ha do Sư đoàn E quản lý. Phạm vi thu hồi đất có thửa đất số 51, tờ bản đồ số 02, diện tích 11.061,8m^2, (diện tích trong phạm vi dự án phải giải phóng mặt bằng là 7773,5m^2), loại đất quốc phòng (CQP). Bản đồ giải thửa do Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và trắc địa công trình Quảng Nam lập ngày

28/2/2020, UBND xã T xác nhận ngày 02/3/2020, Sở T4 tỉnh phê duyệt ngày 04/3/2020.

Trong phạm vi thửa đất thu hồi có 09 ngôi mộ và 1.281 cây keo đường kính 1-5cm và 1053 cây keo đường kính 5-15cm của ông Trần Văn T.

- *Về nguồn gốc đất:*

Căn cứ hồ sơ bàn giao mốc giới khu đất của Bộ Q1 thì diện tích 7773,5m^2 nằm trong vạch giải phóng mặt bằng, được thể hiện từ mốc ranh giới G40-G43 là đất quốc phòng do Sư đoàn BB315 quản lý.

Theo hồ sơ pháp lý về đất đai do UBND xã T quản lý thì thửa đất trên ông T không kê khai đăng ký qua các thời kỳ (không đăng ký hồ sơ 299/TTg, không đăng ký hồ sơ 64/CP), không có các loại giấy tờ về đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, nên không đủ điều kiện để bồi thường về đất.

- *Về bồi thường tài sản trên đất:*

Ngày 27/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7658/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T (phương án - đợt 1), số tiền 101.244.040 đồng, trong đó:

+ Bồi thường mồ mả, vật kiến trúc: 43.446.040 đồng.

+ Hỗ trợ cây cối, hoa màu: 54.648.000 đồng

+ Hỗ trợ di chuyển mộ: 3.150.000 đồng.

Ông Trần Văn T không thống nhất với quyết định nêu trên, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và khiếu nại đến UBND huyện N yêu cầu bồi thường về đất (trong phạm vi khu đất quốc phòng chuyển giao có nhiều trường hợp tương tự như hộ ông T, nhưng các hộ đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án).

UBND huyện N đã có Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T, thường trú tại thôn X, xã T, huyện N. Theo đó, việc ông Trần Văn T yêu cầu bồi thường diện tích 7773,5m^2 tại thửa đất 51, mảnh trích đo địa chính số 02-2020 tại thôn X, xã T là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì diện tích này đã được xác định là đất quốc phòng, an ninh theo quy định tại điểm c Điều 10 Luật Đất đai năm 2013, do đó không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Với nội dung như trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 135/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính;

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 7658/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban

nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn T để thực hiện Giải phóng mặt bằng công trình: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T (phương án - đợt 1), huyện N.

[2] Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T, thường trú tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 7.773,5m^2 thửa đất số 51, thuộc Trích đo địa chính số 02-2020 tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo giá đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, người khởi kiện ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần Văn T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông T cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông về việc hủy Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T, thường trú tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 7.773,5m^2 thửa đất số 51, thuộc Trích đo địa chính số 02-2020 tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo giá đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có mặt. Người bị kiện vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có mặt, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần 2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về phần nội dung:

Thửa đất số 51, mảnh trích đo địa chính 02-2020 (phục vụ dự án: Khu đất quốc phòng chuyển giao tại xã T), đối chiếu với hồ sơ 299/TTg và hồ sơ 64/CP lưu tại UBND xã T thì không thể hiện thửa đất trên bản đồ địa chính, cụ thể: Hồ sơ 299/TTg là tờ bản đồ số 03, hồ sơ 64/CP là tờ bản đồ số 06. Hiện nay ông Trần Văn T không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất có liên quan đến thửa đất nói trên. Theo mảnh trích đo địa chính số 02-2020 thì thửa đất số 51, diện tích 7.773,5m^2 nằm trong phạm vi 187,65ha đất quốc phòng đã được Bộ Q1 chuyển giao cho UBND tỉnh Q tại Công văn số 8439/BQP-TM ngày 09/10/2014 về việc chuyển giao đất quốc phòng để phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Quảng Nam.

Vậy, việc sử dụng đất của ông Trần Văn T tại thửa đất số 51, diện tích 11.061,8m^2, trong đó có diện tích 7.773,5m^2 nằm trong vạch giải phóng mặt bằng là đất quốc phòng chuyển giao cho UBND tỉnh Q quản lý; diện tích này ông Trần Văn T không đăng ký theo hồ sơ 299/TTg, hồ sơ 64/CP và không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Do đó, việc UBND huyện N không bồi thường về đất thửa đất số 51, mảnh đo đạc số 02, diện tích 7.773,5m^2 là đúng quy định, việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo theo quy định pháp luật.

Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không đưa ra các tài liệu, chứng cứ nào để xem là tình tiết mới so với tại phiên tòa sơ thẩm.

HĐXX thấy nên chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên về việc bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Trần Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 135/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Văn T về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 21431/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T, thường trú tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 7.773,5m^2 thửa đất số 51, thuộc Trích đo địa chính số 02-2020 tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo giá đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Trần Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Anh Dũng